

BÁO CÁO

**tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Tỉnh ủy
về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2020**

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

Sau khi Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12 tháng 5 năm 2011 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2020 (gọi tắt là *Nghị quyết 06*), các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc đã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các nội dung của nghị quyết và đạt được một số kết quả quan trọng. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chương trình được triển khai kịp thời, thường xuyên từ tỉnh đến cơ sở. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh, huyện đã kịp thời ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nội dung của chương trình, cụ thể:

1. Giai đoạn 2011 - 2015: Bước đầu thực hiện chương trình, cơ sở hạ tầng nông thôn còn nhiều khó khăn nên tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh. Nhận thức được tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Tỉnh ủy đã ban hành 1 nghị quyết, 1 chỉ thị và 1 văn bản chỉ đạo; Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 5 nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 1 quyết định, 2 hướng dẫn và trên 100 văn bản để chỉ đạo thực hiện. Các sở, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công đã chủ động ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung, tiêu chí nông thôn mới; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Giai đoạn 2016 - 2020: Tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới; chỉ đạo thực hiện các nội dung về phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, đề án Mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP); kịp thời phát hiện và vinh danh những gương điển hình tiên tiến trong xây dựng nông thôn mới, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng. Tỉnh ủy đã ban hành 1 chương trình hành động, 2 công văn chỉ đạo; Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 7 nghị quyết; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 15 quyết định, 6 kế hoạch và trên 200 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; Ban chỉ đạo tỉnh ban hành 1 quyết định, 4 hướng dẫn.

(chi tiết danh mục văn bản tại phụ lục 1 kèm theo)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới

Công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng nông thôn mới được cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai sâu rộng, thường xuyên đổi mới về nội dung, đa dạng phương pháp tuyên truyền (trên các phương tiện thông tin đại chúng, pa nô, khẩu hiệu, tổ chức hội nghị, các buổi họp chi bộ, họp thôn...). Qua 10 năm triển khai thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể đã tổ chức được hơn 620 lớp tuyên truyền nâng cao nhận thức về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng trên 100 chuyên mục nông thôn mới phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; đăng hơn 1.200 tin, bài trên Báo Bắc Kạn; phát hành hơn 12.500 tờ rơi, 6.000 cuốn sổ tay tuyên truyền; hướng dẫn xây dựng nông thôn mới, 1.150 cuốn hệ thống văn bản về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; xây dựng trên 400 panô, băng zôn, khẩu hiệu, bảng tin tuyên truyền... Đồng thời, tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp về chuyên môn nghiệp vụ; đào tạo nâng cao năng lực quản trị điều hành hợp tác xã kiểu mới, năng lực phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; đổi mới, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn cho các Hợp tác xã... được 128 lớp. Qua đó, nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng nông thôn mới ngày càng được nâng cao; các tổ chức, cá nhân đã tích cực ủng hộ, tự giác thực hiện các phần việc đối ứng, tự nguyện hiến đất phục vụ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn. Giai đoạn 2011 - 2019, nhân dân đã hiến 302.500m² đất, 24.324 triệu đồng tiền mặt và số ngày công lao động, hiện vật quy ra tiền là 214.926 triệu đồng.

2. Về Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Ban Chỉ đạo tỉnh, các sở, ban ngành đã chỉ đạo, hướng dẫn các xã lập quy hoạch nông thôn mới theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên Bộ Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường. Đến tháng 12 năm 2012, 100% xã hoàn thành công tác quy hoạch nông thôn mới.

Thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, các địa phương đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo đề cương hướng dẫn. Nhìn chung các quy hoạch cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác xây dựng nông thôn mới, làm cơ sở để lập, phê duyệt các đề án xây dựng xã nông thôn mới. Tuy nhiên, chất lượng đồ án quy hoạch còn thấp so với yêu cầu, đa số các đồ án chỉ chú trọng đến quy hoạch xây dựng hạ tầng, chưa quy hoạch chi tiết phát triển sản xuất, chưa xác định rõ hướng phát triển sản xuất đối với các sản phẩm chủ lực

tại địa phương; quy hoạch chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển lâu dài; nhiều xã chưa có kinh phí đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa. Hiện nay, 100% xã đã hoàn thành công tác quy hoạch nông thôn mới theo Bộ tiêu chí mới.

3. Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

- **Tiêu chí số 2 - Giao thông:** Tổng chiều dài đường xã, đường từ trung tâm xã đến đường huyện là 1.483 km, trong đó đã nhựa hóa hoặc bê tông hóa 1.216 km, chiếm 82%. Chiều dài đường trục thôn, liên thôn là 2.050 km, trong đó đã cứng hóa 838 km, chiếm 40,9%. Chiều dài đường ngõ, xóm là 1.474 km, trong đó đã cứng hóa là 246 km, chiếm 16,7%. Chiều dài đường trục chính nội đồng là 725 km, trong đó đã cứng hóa, đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện 46 km, chiếm 6,3%. Số xã đạt tiêu chí số 2 là 35 xã (tăng 35 xã so với năm 2011).

- **Tiêu chí số 3 - Thủy lợi:** Tổng chiều dài kênh mương là 1.928 km, trong đó đã kiên cố hóa 997 km, chiếm 51,7%. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt khoảng 87%. 100% xã có Ban chỉ huy phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, đảm bảo sẵn sàng ứng phó và khắc phục hậu quả tại chỗ khi có các tình huống thiên tai xảy ra. Số xã đạt tiêu chí số 3 là 104 xã (tăng 33 xã so với năm 2011).

- **Tiêu chí số 4 - Điện nông thôn:** Ngành điện thường xuyên nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng đường dây, trạm biến áp, lắp đặt công tơ cho hộ dân để đảm bảo việc cung cấp điện phục vụ sản xuất, kinh doanh và thắp sáng; đồng thời đảm bảo đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật theo tiêu chí đánh giá điện nông thôn mới. Tăng cường công tác quản lý sử dụng điện nông thôn. Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 97,3%. Số xã đạt tiêu chí số 4 là 85 xã (tăng 33 xã so với năm 2011).

- **Tiêu chí số 5 - Trường học:** Hệ thống trường, lớp, trang thiết bị dạy học ở khu vực nông thôn được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Có 38/123 trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia, chiếm 30,9%; 37/79 trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia, chiếm 46,8%; 1/44 trường Tiểu học và Trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia, chiếm 2,3%; 12/57 trường Trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia, chiếm 21,1%. Số xã đạt tiêu chí số 5 là 27 xã (tăng 26 xã so với năm 2011).

- **Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa:** Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở được các cấp, ngành quan tâm đầu tư với quy mô phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và cộng đồng. Tổng số nhà văn hóa xã, hội trường đa năng là 36 nhà (đã đạt chuẩn 30 nhà); tổng số sân thể thao xã là 23 sân (đã đạt chuẩn 15 sân); tổng số nhà văn hóa thôn hiện có 1.139 nhà (đã đạt chuẩn 446 nhà). Số xã đạt tiêu chí số 6 là 23 xã (tăng 23 xã so với năm 2011).

- **Tiêu chí số 7- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:** Toàn tỉnh có 55 chợ nông thôn. Nhìn chung các chợ được phân bố hợp lý, phù hợp với điều kiện địa hình, địa giới hành chính, đảm bảo thuận lợi cho việc giao thương, trao đổi hàng hóa của nhân dân. Tuy nhiên, công tác quản lý chợ chưa đáp ứng quy định hiện hành; công tác vệ sinh, thu gom và xử lý rác thực hiện chưa tốt, còn gây ảnh hưởng đến môi trường. Số xã đạt tiêu chí số 7 là 95 xã (tăng 83 xã so với năm 2011).

- **Tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông:** 100% xã có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của các tổ chức, cá nhân. Dịch vụ viễn thông cố định mặt đất và dịch vụ di động mặt đất có chất lượng ổn định, đảm bảo nhu cầu sử dụng của người dân; 100% xã sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc gắn với ứng dụng chữ ký số và phần mềm “Một cửa điện tử” gắn với dịch vụ công trực tuyến mức cao. Đa số các đài truyền thanh xã được đầu tư đã lâu, trang thiết bị kỹ thuật thiếu đồng bộ, chưa đảm bảo được 2/3 số thôn, bản có hệ thống loa truyền thanh hoạt động tốt theo quy định. Đội ngũ cán bộ, mô hình tổ chức, kinh phí duy trì hoạt động không đảm bảo dẫn đến một số đài truyền thanh xã hoạt động không thường xuyên hoặc không hoạt động. Số xã đạt tiêu chí số 8 là 82 xã (tăng 71 xã so với năm 2011).

- **Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư:** Tổng số nhà ở dân cư trên địa bàn tỉnh là 64.355 nhà, trong đó số nhà tạm, dột nát 1.636 nhà, chiếm 2,5%; số nhà đạt chuẩn của Bộ Xây dựng 45.934 nhà, chiếm 71,4%. Số xã đạt tiêu chí số 9 là 53 xã (tăng 53 xã so với năm 2011).

4. Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập

- **Tiêu chí số 10 - Thu nhập:** Trong giai đoạn 2011-2019, tổng nguồn vốn được giao để hỗ trợ phát triển sản xuất là 86.558 triệu đồng. Triển khai thực hiện nhiệm vụ chương trình, các địa phương đã thực hiện 198 mô hình phát triển kinh tế (trồng trọt, chăn nuôi...); 7 mô hình trình diễn và thử nghiệm; thực hiện 51 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ trên 100 máy móc thiết bị các loại phục vụ sản xuất (dây truyền sơ chế tinh bột dong riềng, bình phun động cơ, máy ép bún liên hoàn, máy gặt...); mở 18 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật công nghệ và thực hiện các nội dung hỗ trợ trực tiếp giống cây trồng, vật nuôi, vật tư cho hộ dân, hợp tác xã, tổ hợp tác; mở 78 lớp tập huấn với các nội dung về triển khai văn bản quản lý, kỹ thuật trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, trồng cây dong riềng, cây gừng, cây bí xanh, cây cam quýt, hiểu biết về thuốc bảo vệ thực vật... Việc triển khai xây dựng các mô hình, chương trình tập huấn đã góp phần tạo sự chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa có hiệu quả kinh tế cao; nhiều mô hình được nhân rộng, qua đó đã góp phần nâng cao thu nhập cho người dân. Số xã đạt tiêu chí số 10 là 24 xã (tăng 24 xã so với năm 2011).

- **Tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm:** Tổng số lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh được đào tạo nghề giai đoạn 2011-2019 là 28.486 người, trong đó số lao động nông thôn có việc làm sau đào tạo là 21.546 người (chiếm 73% trong tổng số lao động nông thôn được đào tạo nghề), số lao động nông thôn sau đào tạo được các doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động là 430 người, số học viên sau đào tạo tự thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ nhóm sản xuất là 327 người. Số xã đạt tiêu chí số 12 là 110 xã (tăng 110 xã so với năm 2011).

5. Giảm nghèo và an sinh xã hội

Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo: Các đơn vị, địa phương đã thực hiện đầy đủ, kịp

thời các chính sách hỗ trợ giảm nghèo theo quy định; triển khai thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất, dân sinh đảm bảo mục tiêu, đồng bộ theo các tiêu chí nông thôn mới. Hiện nay, cả tỉnh còn 15.722 hộ nghèo, chiếm 19,56%; có 9.106 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 11,34%. Số xã đạt tiêu chí số 11 là 37 xã (tăng 29 xã so với năm 2011).

6. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn

Hiện nay, toàn tỉnh có 202 Hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 (trong đó có 160 HTX nông, lâm nghiệp (chiếm 79%) và 42 HTX phi nông nghiệp (chiếm 21%) với 1.809 thành viên. Các hợp tác xã đóng vai trò quan trọng trong hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, cung cấp dịch vụ, tạo việc làm và tăng thu nhập cho thành viên, góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tạo sự chuyển dịch về cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, quy mô hợp tác xã nhỏ lẻ, sức cạnh tranh thấp, liên kết chưa thật sự bền vững.

Đề án “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (Đề án OCOP) là giải pháp quan trọng trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, góp phần thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Đến nay, toàn tỉnh có 69 xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất (tăng 66 xã so với năm 2011).

7. Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thông tin và truyền thông

- **Tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo:** Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở tiếp tục học Trung học phổ thông, bổ túc, trung cấp nghề đạt 87,3%. 100% xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; 100% xã đạt phổ cập xóa mù chữ mức độ 1 trở lên; 100% xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 100% xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 1 trở lên. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 40%. Số xã đạt tiêu chí số 14 là 92 xã (tăng 92 xã so với năm 2011).

- **Tiêu chí số 15 - Y tế:** Hệ thống y tế được củng cố, đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh cho nhân dân. Các trạm y tế xã được đầu tư, nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị và bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 96%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) chung của toàn tỉnh đạt 28,2% (theo số liệu điều tra cụm năm 2018). Số xã đạt tiêu chí số 15 là 98 xã (tăng 43 xã so với năm 2011).

- **Tiêu chí số 16 - Văn hóa:** Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi ở các địa phương, người dân tích cực thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; các giá trị văn hóa truyền thống

của dân tộc được bảo tồn. Thường xuyên duy trì và thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, đến hết năm 2019 tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa là 87,2%; tỷ lệ khu dân cư đạt khu dân cư văn hóa là 85,3%. Số xã đạt tiêu chí số 16 là 94 xã (tăng 94 xã so với năm 2011).

8. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm: Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 96,5%. Công tác quản lý, thu gom và xử lý chất thải, nước thải ở các xã đã có sự chuyển biến tích cực. Phong trào trồng cây xanh, vệ sinh đường làng, ngõ xóm, xây dựng đời sống văn hoá được triển khai và duy trì tốt ở nhiều khu dân cư. Tuy nhiên, hệ thống mương, rãnh thoát nước chưa được khơi thông, nạo vét thường xuyên; việc quản lý, thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y chưa được thực hiện tốt. Chưa có hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung, chủ yếu xử lý bằng phương pháp chôn lấp hoặc đốt tại các điểm xử lý theo quy mô nhóm hộ gia đình. Số xã đạt tiêu chí số 17 là 29 xã (tăng 29 xã so với năm 2011).

9. Chất lượng tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trên địa bàn

Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Đến hết năm 2019, tổng số cán bộ, công chức cấp xã là 2.419 người (trong đó: cán bộ 1.164 người, công chức 1.255 người); 100% xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị theo quy định, 100% cơ quan hành chính cấp xã được triển khai lắp đặt và sử dụng mạng Internet, mạng LAN phục vụ công việc và sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; có 100/122 xã, phường đạt chuẩn pháp luật, chiếm 90%. Số xã đạt tiêu chí số 18 là 49 xã (tăng 49 xã so với năm 2011).

10. Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn

Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và an ninh: Các xã đã bố trí biên chế lực lượng dân quân đúng, đủ theo Luật dân quân tự vệ. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được đảm bảo; không để xảy ra đột xuất, bất ngờ, hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự. Cấp ủy, chính quyền địa phương luôn quan tâm xây dựng, củng cố và duy trì các mô hình tổ chức quần chúng hoạt động hiệu quả, toàn tỉnh hiện có 32 mô hình làm công tác đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở, trong đó có nhiều mô hình, điển hình tiên tiến được nhân rộng. Số xã đạt tiêu chí số 19 là 89 xã (giảm 5 xã so với năm 2011, nguyên nhân giảm là do bỏ sung chỉ tiêu 19.1 “Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng” theo Bộ tiêu chí được ban hành tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; bên cạnh đó tiêu chí quốc phòng và an ninh là tiêu chí không ổn định, khi rà soát, đánh giá kết quả thực hiện có sự thay đổi so với mục tiêu ban đầu).

(chi tiết kết quả thực hiện tại phụ lục 2 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Sau 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên, an ninh nông thôn được bảo đảm, diện mạo nông thôn thay đổi nhanh chóng, đã có 19 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 19 xã so với năm 2011) đạt 33,93% so với mục tiêu Nghị quyết 06. Thực hiện phân công của Tỉnh ủy về giúp đỡ xã khó khăn xây dựng nông thôn mới, các sở, ban, ngành đã triển khai thực hiện giúp đỡ các xã bằng nhiều hình thức thiết thực, phù hợp với điều kiện của từng đơn vị; kết quả xây dựng nông thôn mới của các xã được giúp đỡ có chuyển biến tích cực, nhiều tiêu chí đã hoàn thành và được duy trì. Đến nay, bình quân cả tỉnh đạt 12,5 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 5 tiêu chí (giảm 93 xã so với năm 2011). Cấp ủy, chính quyền các cấp đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện đồng bộ các nội dung để nâng cao hiệu quả, chất lượng chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; vai trò chủ thể của người dân từng bước được xác định rõ ràng, nhân dân tự nguyện, tích cực tham gia đóng góp nguồn lực để thực hiện Chương trình. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, quyết liệt; kịp thời đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại tỉnh.

2. Hạn chế

- Cấp ủy, chính quyền, các tổ chức xã hội ở một số địa phương có lúc, có nơi chưa thực sự quyết liệt, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm. Bộ phận giúp việc cho Ban Chỉ đạo các cấp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chưa phát huy được tính chủ động, tự giác của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương cho các xã có cùng hệ số, định mức như nhau nên không ưu tiên được nguồn ngân sách cho các xã nằm trong mục tiêu dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới để tập trung hoàn thành các tiêu chí theo kế hoạch.

- Nguồn vốn thực hiện đề án đặc thù “Xây dựng nông thôn mới các xã CT229, xã còn tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh trật tự, an toàn xã hội và các xã khó khăn đạt từ 5 tiêu chí nông thôn mới trở xuống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018 - 2020” Trung ương giao chậm và chưa đáp ứng nhu cầu.

- Việc thực hiện các nội dung theo sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (ban hành tại Quyết định số 4781/QĐ-BNN-VPĐP của Bộ Nông nghiệp và PTNT) gặp nhiều khó khăn, nhất là các bước lựa chọn chủ trì dự án, lập và phê duyệt thuyết minh dự án; lựa chọn đơn vị tổ chức đấu thầu và chào hàng cạnh tranh.

- Kinh tế tập thể, Hợp tác xã phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh; số lượng hợp tác xã còn ít, quy mô nhỏ, năng lực tài chính, quản trị sản xuất,

kinh doanh còn hạn chế; thiếu tính liên kết giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp. Khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của các Hợp tác xã còn hạn chế.

- Kế hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã chưa đảm bảo tính đồng bộ, các địa phương chủ yếu quan tâm thực hiện các tiêu chí về phát triển hạ tầng và các nội dung được ngân sách nhà nước phân bổ kinh phí hàng năm; chưa chú trọng xây dựng kế hoạch, lộ trình, giải pháp thực hiện các tiêu chí về thu nhập, giảm nghèo, tổ chức sản xuất, môi trường và an toàn thực phẩm...; việc cập nhật các văn bản pháp lý, hướng dẫn thực hiện các nội dung chương trình chưa kịp thời. Công tác lập, thẩm định các công trình còn nhiều lúng túng, một số công trình phải điều chỉnh quy mô, nguồn vốn nhiều lần, dẫn đến chậm tiến độ...

- Đối với nội dung thực hiện xã nông thôn mới nâng cao, do các địa phương thực hiện rà soát thực trạng tại các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới (*để tiếp tục thực hiện xã nông thôn mới nâng cao*) chưa cụ thể, chi tiết, dẫn đến giải pháp đề ra chưa phù hợp với thực tế, nhất là chưa xác định được nhu cầu kinh phí, dự kiến khả năng bố trí nguồn lực của địa phương và huy động từ cộng đồng để thực hiện các mục tiêu xã nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí.

- Chế độ thông tin báo cáo của các đơn vị, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu, chất lượng báo cáo chưa đảm bảo, thiếu thông tin số liệu, thời hạn gửi báo cáo chậm so với quy định, ảnh hưởng đến việc quản lý điều hành Chương trình.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn cao, thu nhập của người dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông lâm nghiệp là chính, nguồn thu nhập không ổn định. Các hộ nghèo còn có tư tưởng ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của nhà nước, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo.

- Điều kiện vị trí địa lý của một số xã vùng sâu, vùng xa đi lại không thuận lợi, khó khăn trong phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng có suất đầu tư lớn; các doanh nghiệp của tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên khó khăn trong việc huy động nguồn lực theo hình thức xã hội hóa để thực hiện chương trình.

- Thời tiết, thiên tai, dịch bệnh xảy ra thường xuyên; giá cả thị trường không ổn định, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được cải thiện... đã ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người dân, tiêu chí hộ nghèo và môi trường nông thôn.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Năng lực của một số cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ; thiếu cán bộ chuyên trách nên hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Nhận thức của một số bộ phận cán bộ và nhân dân về xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, vẫn còn có tư tưởng thụ động, trông đợi vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Cơ chế chính sách về hỗ trợ phát triển sản xuất có một số điểm chưa phù hợp, gây khó khăn quá trình thực hiện nguồn vốn sự nghiệp, dẫn đến số kinh phí phải trả về ngân sách Trung ương lớn; việc triển khai các văn bản hướng dẫn chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa cụ thể về quy trình hỗ trợ, dẫn đến các địa phương lúng túng trong quá trình thực hiện.

- Ngân sách nhà nước phân bổ theo nguyên tắc bình quân cho tất cả các xã, nên việc hoàn thành tiêu chí xây dựng cơ sở hạ tầng khó đạt được theo lộ trình; nguồn vốn phân bổ hằng năm và văn bản hướng dẫn thực hiện nguồn vốn chậm, đã gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và công tác giải ngân nguồn vốn. Nguồn ngân sách địa phương bố trí để xây dựng nông thôn mới còn hạn chế.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là: Xác định việc xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Để thực hiện thành công chương trình, cả hệ thống chính trị phải quyết tâm cao, chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện, nhất là công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải cụ thể, sâu sát, thường xuyên và liên tục.

Hai là: Phải có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa cấp ủy, chính quyền các cấp với các ban, ngành, tổ chức đoàn thể trong quá trình thực hiện. Nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

Ba là: Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ ở thôn, bản, người có uy tín. Làm tốt công tác tuyên truyền giúp khơi dậy tính chủ động, sáng tạo của người dân. Nghiêm túc thực hiện nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình tại địa phương.

Bốn là: Các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện bài bản, chặt chẽ. Phải có cơ chế, chính sách cụ thể, rõ ràng, phù hợp với điều kiện từng địa phương; định hướng lựa chọn các nội dung trọng tâm như phát triển sản xuất, giao thông, văn hóa, môi trường, an ninh trật tự... phải đồng thời thực hiện tốt các nội dung khác, không xem nhẹ nội dung nào.

Năm là: Phân bổ nguồn vốn kịp thời, đúng mục tiêu, không dàn trải. Lồng ghép sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác; công khai minh bạch các nguồn vốn thực hiện chương trình. Việc huy động, đóng góp nguồn lực từ nhân dân phải được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, bản bạc dân chủ, không gượng ép.

Sáu là: Coi trọng công tác cán bộ, thường xuyên nâng cao năng lực cho đội ngũ tham mưu, thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, đảm bảo có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu. Cán bộ thực hiện nhiệm vụ phải có năng lực, tâm huyết, trách nhiệm, gương mẫu, tiên phong, nhất là người đứng đầu đơn vị, địa phương.

Báy là: Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tạo sức lan tỏa trong toàn xã hội; thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Kịp thời biểu dương khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong thực hiện chương trình; đồng thời, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, tồn tại để đảm bảo tiến độ đề ra.

IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn; nâng cao kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đảm bảo đồng bộ, hiện đại và kết nối chặt chẽ với quá trình đô thị hóa. Kinh tế nông thôn phát triển mạnh mẽ, trình độ sản xuất tiên tiến, nông dân chuyên nghiệp, sản phẩm tạo ra có sức cạnh tranh cao; sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; không gian, môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp. Hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Phấn đấu đến năm 2025, số tiêu chí nông thôn mới bình quân/xã đạt từ 13 tiêu chí trở lên; không còn xã dưới 10 tiêu chí nông thôn mới; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,36 lần so với năm 2020.

1.2. Mục tiêu cụ thể (đến năm 2025)

- Cấp thôn: Phấn đấu có 174 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới (174/275 thôn, chiếm 63% số thôn tại các xã trong Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018)).

- Cấp xã:

+ Phấn đấu có 56 xã đạt chuẩn nông thôn mới (56/96 xã, chiếm 58,33%).

+ Phấn đấu có 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (17/56 xã, chiếm 30,36% số xã đạt chuẩn nông thôn mới).

+ Phấn đấu có 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (6/56 xã, chiếm 10,71% số xã đạt chuẩn nông thôn mới).

- Cấp huyện: Tiếp tục duy trì, phát huy và nâng cao chất lượng các tiêu chí để thành phố Bắc Kạn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

2.1. Tiếp tục quán triệt, triển khai có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại địa phương; xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị, cần phải kiên trì tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc. Nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò người đứng đầu đơn vị, địa phương; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện.

2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và nhân dân để khơi dậy tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

2.3. Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 và hằng năm; cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện chương trình vào Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025. Các sở, ban, ngành lồng ghép nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới với nhiệm vụ của từng đơn vị để chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

2.4. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thực hiện chương trình (*chính sách về nông nghiệp, nông thôn, nông dân, xây dựng nông thôn mới, chương trình OCOP, kinh tế tập thể, Hợp tác xã...*) đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; nghiên cứu bổ sung các chính sách hỗ trợ duy trì nâng cao chất lượng các tiêu chí, hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, tiêu chí huyện nông thôn mới. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách tổng thể giai đoạn 2021-2025 về hỗ trợ phát triển nông nghiệp, chương trình OCOP, ngành nghề nông thôn, phát triển hợp tác xã, phát triển du lịch nông thôn, bảo vệ môi trường nông thôn... để tập trung nguồn lực, phát huy và khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, điều kiện tự nhiên của tỉnh.

2.5. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nội dung trọng tâm của Chương trình như: Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững; hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng ở nông thôn; nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, bài trừ hủ tục, tệ nạn xã hội, bảo tồn và phát huy đa dạng về văn hóa các dân tộc; tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn, cải tạo cảnh quan môi trường; triển khai các giải pháp để kiểm chế và xử lý triệt để các vấn đề tội phạm liên quan đến ma túy, tình hình phức tạp của truyền đạo trái phép; nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình tự quản, phát huy vai trò của Bí thư chi bộ, trưởng thôn, người có uy tín để xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2.6. Huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện chương trình, hằng năm ưu tiên ngân sách cho xây dựng nông thôn mới, nhất là các xã nghèo, đặc biệt khó khăn, xã lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới; tập trung thực hiện thôn nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu và huyện nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục phát động phong trào thi đua “Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021- 2025 để huy động các nguồn lực tham gia thực hiện chương trình.

2.7. Thường xuyên rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo các cấp, Ban quản lý cấp xã; ban hành quy chế hoạt động; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên gắn với trách nhiệm thực hiện; kiện toàn và củng cố Văn phòng điều phối nông thôn mới các cấp đảm bảo đủ số lượng, chất lượng theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ, hiệu quả. Nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nhất là ở cấp xã, thôn để nâng cao chất lượng công tác tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách sáng tạo, đột phá phù hợp với điều kiện của tỉnh. Thực hiện tốt công tác cán bộ ở cơ sở, tăng cường điều động, luân chuyển cán bộ có năng lực về công tác, giữ vị trí chủ chốt tại các địa phương còn gặp nhiều khó khăn.

2.8. Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình. Thực hiện tốt chế độ báo cáo theo quy định.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy và điện tử:

- Ban Bí thư Trung ương (báo cáo),
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Đảng đoàn HĐND, ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**



Hoàng Duy Chinh



Phụ lục 1: DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, LÃNH ĐẠO, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH BẮC KẠN, GIAI ĐOẠN 2011-2020
(Kèm theo Báo cáo số 458-BC/TU ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tỉnh ủy Bắc Kạn)

STT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu
A	GIAI ĐOẠN 2011 - 2015		
I	Tỉnh ủy		
1	Nghị quyết	Số 06-NQ/TU ngày 12/5/2011	Về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2020
2	Chỉ thị	Số 13-CT/TU ngày 27/11/2012	Về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020
3	Công văn	Số 2505-CV/TU ngày 20/5/2015	Về việc giúp đỡ các xã khó khăn trong xây dựng nông thôn mới
II	Hội đồng nhân dân tỉnh		
1	Nghị quyết	Số 20/2013/NQ-HĐND ngày 29/7/2013	Về quy định mức hỗ trợ xây dựng một số công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2013 - 2015
2	Nghị quyết	Số 09/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015	Về phê duyệt định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020.
3	Nghị quyết	Số 10/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015	Về quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2015 - 2020
4	Nghị quyết	Số 11/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015	Về quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn



STT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu
5	Nghị quyết	Số 19/2015/NQ-HĐND ngày 23/7/2015	Về quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định, nghỉ việc chờ đủ tuổi nghỉ hưu
III	Ủy ban nhân dân tỉnh		
1.	Quyết định	Số 177/QĐ-UBND ngày 09/2/2015	Về việc thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn
2	Hướng dẫn	Số 1517/UBND-NLN ngày 21/5/2014	Về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nguồn vốn đầu tư chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2014 - 2015
3	Hướng dẫn	Số 45/HD-UBND ngày 12/2/2015	Hướng dẫn khen thưởng tập thể, cá nhân, gia đình có thành tích trong phong trào thi đua "Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015"
4	Công văn	Số 962/UBND-NLN ngày 20/3/2015	Về việc áp dụng giá vật liệu xây dựng đối với các công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
B	GIAI ĐOẠN 2016 – 2019		
I	Tỉnh ủy		
1	Chương trình hành động	Số 04-CTr/TU ngày 15/01/2016	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020
2	Công văn	Số 381- CV/TU ngày 09/9/2016	Về việc phân công các đơn vị giúp đỡ xã khó khăn xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020
3	Công văn	Số 2656-CV/TU ngày 26/4/2019	Về việc phân công giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019 - 2020
II	Hội đồng nhân dân tỉnh		

STT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu
1	Nghị quyết	Số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017	Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020
2	Nghị quyết	Số 20/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017	Quy định về định mức và nội dung chi phí quản lý dự án của Ban Quản lý xã đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020
3	Nghị quyết	Số 05/NQ-HĐND ngày 19/4/2018	Ban hành mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
4	Nghị quyết	Số 17/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2018	Quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020
5	Nghị quyết	Số 04/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 – 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017
6	Nghị quyết	Số 05/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019	Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
7	Nghị quyết	Số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019	Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
III	Ủy ban nhân dân tỉnh		
1	Quyết định	Số 1239/QĐ-UBND ngày 09/8/2016	Về phê duyệt danh mục và lộ trình các xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 - 2020
2	Quyết định	Số 634/QĐ-UBND ngày 11/5/2017	Ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020
3	Quyết định	Số 734/QĐ-UBND ngày 29/5/2017	Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020

STT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu
4	Quyết định	Số 21/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017	Ban hành quy định về tạm ứng chi phí quản lý dự án đối với các dự án quy mô nhỏ thực hiện cơ chế đặc thù thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
5	Quyết định	Số 23/2017/QĐ-UBND ngày 11/8/2017	Ban hành Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ vật liệu xây dựng và các hình thức hỗ trợ khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020
6	Quyết định	Số 24/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	Ban hành Quy chế sử dụng và quyết toán nguồn vốn huy động khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020
7	Quyết định	Số 28/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017	Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020
8	Quyết định	Số 38/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017	Ban hành quy định về cơ chế quản lý thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
9	Quyết định	Số 1499/QĐ-UBND ngày 25/9/2017	Về việc phê duyệt và ban hành các tập hồ sơ thiết kế mẫu, thiết kế điển hình cho công trình hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
10	Quyết định	Số 606/QĐ-UBND ngày 17/4/2018	Phê duyệt hồ sơ thiết kế mẫu và giá thành các công trình Nhà tiêu hợp vệ sinh và Chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh (quy mô dành cho hộ gia đình) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
11	Quyết định	Số 851/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	Phê duyệt Đề án “Mỗi xã, phường một sản phẩm” tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018 – 2020
12	Quyết định	Số 1861/QĐ-UBND ngày 06/11/2018	Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018 - 2020

STT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu
13	Quyết định	Số 225/QĐ-UBND ngày 13/02/2019	Về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020
14	Quyết định	Số 14/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019	về việc ban hành quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018-2020
15	Quyết định	Số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Quy định về cơ chế quản lý thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn
16	Kế hoạch	Số 82/KH-UBND ngày 10/3/2017	Về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020
17	Kế hoạch	Số 165/KH-UBND ngày 27/4/2018	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn năm 2018
18	Kế hoạch	Số 24/KH-UBND ngày 11/01/2019	Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới các xã CT 229, xã còn tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh trật tự, an toàn xã hội và các xã khó khăn đạt từ 5 tiêu chí nông thôn mới trở xuống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2019 – 2020
19	Kế hoạch	Số 216/KH-UBND ngày 22/4/2019	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn năm 2019
20	Kế hoạch	Số 228/KH-UBND ngày 26/4/2020	Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020
21	Kế hoạch	Số 261/KH-UBND ngày 13/5/2019	Kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019
IV	Ban Chỉ đạo tỉnh		
1	Quyết định	Số 1860/QĐ-BCĐ ngày 06/11/2018	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 - 2020

STT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu
2	Hướng dẫn	Số 143/HD-BCĐ ngày 26/5/2016	Về hướng dẫn chi tiết một số nội dung thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
3	Hướng dẫn	Số 337/HD-BCĐ ngày 07/9/2017	Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020
4	Hướng dẫn	Số 495/HD-BCĐ ngày 21/11/2018	Hướng dẫn phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018 - 2020
5	Hướng dẫn	Số 270/HD-BCĐ ngày 14/5/2019	Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018 - 2020



Phụ lục 2: KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH BẮC KẠN, GIAI ĐOẠN 2011 – 2020
(Kèm theo Báo cáo số 458-BC/TU ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tỉnh ủy Bắc Kạn)

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí NTM						So sánh kết quả với năm 2011
			Năm 2011		Năm 2011 (đến 30/5/2011)		Tháng 6 năm 2020		
			Số xã đạt	Tỷ lệ (%)	Số xã đạt	Tỷ lệ (%)	Số xã đạt	Tỷ lệ (%)	
1	Tiêu chí 1: Quy hoạch	Xã	0	0	0	0	110	100	110
2	Tiêu chí 2: Giao thông	Xã	0	0	0	0	35	31,82	35
3	Tiêu chí 3: Thù lợi	Xã	71	63,39	71	63,39	104	94,55	33
4	Tiêu chí 4: Điện	Xã	52	46,43	57	51,82	85	77,27	33
5	Tiêu chí 5: Trường học	Xã	1	0,89	1	0,89	27	24,55	26
6	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa	Xã	0	0	0	0	23	20,91	23
7	Tiêu chí 7: CSHT thương mại nông thôn	Xã	12	10,71	24	21,82	95	86,36	83
8	Tiêu chí 8: Thông tin và truyền thông	Xã	11	9,82	48	43,64	82	74,55	71
9	Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư	Xã	0	0	0	0	53	48,18	53
10	Tiêu chí 10: Thu nhập	Xã	0	0	1	0,91	24	21,82	24
11	Tiêu chí 11: Hộ nghèo	Xã	8	7,14	8	7,14	37	33,64	29
12	Tiêu chí 12: Lao động có việc làm	Xã	0	0	0	0	110	100	110

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí NTM						So sánh kết quả với năm 2011
			Năm 2011		Năm 2011 (đến 30/5/2011)		Tháng 6 năm 2020		
			Số xã đạt	Tỷ lệ (%)	Số xã đạt	Tỷ lệ (%)	Số xã đạt	Tỷ lệ (%)	
13	Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất	Xã	3	2,68	19	17,27	69	62,73	66
14	Tiêu chí 14: Giáo dục	Xã	0	0	0	0	92	83,64	92
15	Tiêu chí 15: Y tế	Xã	55	50	55	50	98	89,10	43
16	Tiêu chí 16: Văn hóa	Xã	0	0	0	0	94	85,45	94
17	Tiêu chí 17: Môi trường và An toàn thực phẩm	Xã	0	0	0	0	29	26,36	29
18	Tiêu chí 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Xã	0	0	23	20,91	49	44,55	49
19	Tiêu chí 19: An ninh quốc phòng	Xã	94	83,93	94	85,45	89	80,91	-5